



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

Số hiệu sản phẩm 11480

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Chất làm cứng.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Môi trường

Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Thành phần nhãn

Hình đồ



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

Câu cảnh báo nguy cơ

H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
 H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Câu phòng ngừa

P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
 P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.
 P301+P310 **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC**/ bác sĩ ngay lập tức.
 P303+P361+P353 **NẾU ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc):** Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.
 P305+P351+P338 **NẾU ĐÍNH VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
 P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẫn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.

Bao gồm

ISOPHORONEDIAMINE

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

ISOPHORONEDIAMINE	60-100%
Số CAS: 2855-13-2	
Phân loại	
Độc tính cấp tính loại 4 - H302	
Độc tính cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Mẫn cảm da loại 1 - H317	
Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung

Không hít hơi/ bụi nước. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).

Sự hít phải

Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

Sự ăn phải

Không cố nôn ra. Drink a few glasses of water or milk. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

Tiếp xúc với da

Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Tiếp xúc với mắt

Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mẫn tính

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

Thông tin chung Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô. Nước.

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể Tránh hít khí hoặc hơi cháy.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy Keep up-wind to avoid fumes. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch. Sử dụng nước để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa và phân tán hơi. Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa.

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham khảo cho các phần khác

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Quần áo và giày bị nhiễm hóa chất phải được bỏ đi. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Use protective gloves. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su (tự nhiên, latex). Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Cao su butyl. Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Polyvinyl clorua (PVC). Găng tay được khuyến nghị làm từ chất liệu sau: Neopren. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Đen.
Mùi đặc trưng	Mùi amin.
Độ pH	pH (dung dịch pha loãng): 11.5 5%
Điểm nóng chảy	N/D°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	249°C @
Điểm chớp cháy	110°C TOC (Tag open cup).
Tỷ lệ hóa hơi	<1 (butyl acetate =1)
Điểm cháy trên/dưới hoặc giới hạn gây nổ	Giới hạn cháy/nổ trên: N/D Giới hạn cháy/nổ dưới: N/D

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	0.92 @ 20 °C°C
Tính tan	Ít tan trong nước.
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không polyme hóa.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit. Chất oxy hóa.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 52.083,0

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 114.583,0

Sự hít phải	Ở nồng độ cao có thể gây hủy hoại phổi nặng nề. Sử dụng rộng rãi sản phẩm ở khu vực thông gió kém có thể gây tích tụ tập trung hơi nguy hại. Có thể gây cảm giác khó chịu. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Đau đầu. Chóng mặt. Buồn nôn, nôn mửa. Các vấn đề về hô hấp, thở trể, thường là nghiêm trọng.
Sự ăn phải	Nuốt phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng. Nguy hại hô hấp khi nuốt phải. Đi vào phổi sau khi nuốt phải hoặc nôn mửa có thể gây viêm thành phế nang phổi.
Tiếp xúc với da	Gây bỏng. Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại tế bào nghiêm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
Tiếp xúc với mắt	Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng. Gây bỏng. Irritation, burning, lachrymation, blurred vision after liquid splash.
Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính	Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này có thể gây kích ứng da và mắt. Tiếp xúc kéo dài có thể gây bỏng.
Đường vào cơ thể	Qua đường thở Hấp thu vào da Ingestion. Tiếp xúc với da và/hoặc mắt

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER

Độc tính môi sinh	Tránh phát thải ra môi trường. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Không được cho là gây độc cho cá.
<u>Độ bền vững và độ phân hủy</u>	
Độ bền và độ phân hủy	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u>	
Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<u>Tính di động trong đất</u>	
Tính di động	Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<u>Các tác động có hại khác</u>	
Các tác động có hại khác	Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 2289

Số UN (IMDG) 2289

Số UN (ICAO) 2289

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) ISOPHORONEDIAMINE

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG) ISOPHORONEDIAMINE

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO) ISOPHORONEDIAMINE

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

WEAR GUARD (HIGH TEMP 450) HARDENER**Nhãn vận chuyển****Nhóm đóng gói**

Nhóm đóng gói Đường III
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG III

Nhóm đóng gói ICAO III

Các nguy hại về môi trường

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường 80
bộ/Đường sắt)

Vận chuyển số lượng lớn theo Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78
và mã IBC

PHẦN 15: Thông tin luật định**Quy định/luật định cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho chất hoặc hỗn hợp**

Quy định quốc gia Các quy định về Hóa chất (Thông tin nguy hại và Đóng gói khi Cung cấp) 2009 (SI 2009 Số. 716).

PHẦN 16: Thông tin khác

Thông tin chung Chỉ người đã qua đào tạo mới nên sử dụng chất liệu này.

Ngày sửa đổi 04/04/2018

Sửa đổi 5

Ngày thay thế 28/04/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Gây hại nếu nuốt phải.
H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.